

Bản án số: 102/2020/HS - ST
Ngày 28 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Bích Thuần

Ông Nguyễn Quang Thái

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Vũ Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 98/2020/TLST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 5/12; nghề nghiệp: Không có; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Kim Hồng T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1943 “có mặt”;

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1950 “vắng mặt”;

+ Anh Tạ Việt A, sinh năm 1993 “vắng mặt”;

Đều trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1992 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc là nhân viên quản lý quán hát Karaoke Cafe Đ ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc do anh Nguyễn Văn K ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc làm chủ. T được anh K giao nhiệm vụ quản lý quán hát, thu tiền của khách sau khi hát và T phải đưa lại tất cả số tiền thu được khách hát ngày hôm trước cho anh K vào ngày hôm sau. Tối ngày 17/2/2020, T làm việc tại quán đến rạng sáng ngày 18/2/2020 thì thu được tiền hát của khách là 7.000.000 đồng, T cầm số tiền này chưa đưa lại cho anh K. Đến khoảng 8 giờ ngày 18/02/2020, anh K gọi điện thoại cho T bảo T đi ra chợ mua gà về nuôi, T đồng ý rồi điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1- 021.75 của anh K giao cho đi ra chợ H. Trên đường đi anh K gọi điện thoại cho T nói là không phải mua gà nữa thì T điều khiển xe mô tô đi ra quán game của anh Nguyễn Ngọc K ở tổ dân phố L, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để chơi game. T dùng số tiền 7.000.000 đồng thu được của khách chưa trả lại cho anh K đi mua thẻ điện thoại rồi quay về quán game của anh K nạp vào tài khoản game của mình chơi hết số tiền 7.000.000 đồng. Sau đó, T lại mang chiếc xe Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1- 021.75 của anh K đi đến khu vực cổng chợ C, thị trấn H gặp Tạ Việt A ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B. Tại đây, T bảo Việt A là T có chiếc xe mô tô BKS: 88G1- 021.75 là xe của T, Việt A cho T vay 2.000.000 đồng và T để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1- 021.75 làm tin. Việt A tin T nói nên đã đồng ý rồi đi chiếc xe mô tô của T về nhà mình ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B lấy 1.900.000 đồng đưa cho T vay. Sau đó, T cầm tiền rồi mua thẻ tiếp tục chơi game hết 1.600.000 đồng thì T không chơi nữa, số tiền còn lại 300.000 đồng T dùng tiêu sài cá nhân hết. Do đã tiêu hết số tiền 7.000.000 đồng và không có tiền để đi chuộc xe mô tô về trả cho anh K nên T đã bỏ trốn xuống thành phố P, anh K đã nhiều lần liên lạc với T qua điện thoại (nhắn tin trên Messenger) để đòi tiền và xe nhưng T không trả lại được nên ngày 28/02/2020 anh K có đơn trình báo đến Cơ quan Công an huyện Bình Xuyên về việc T lấy số tiền 7.000.000 đồng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1- 021.75 của anh. Sau khi anh K trình báo cơ quan Công an thì gia đình T biết việc T chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 88G1- 021.75 của anh K đem cầm cố cho Tạ Việt A nên ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị N là bố mẹ đẻ của T đã bỏ ra 2.000.000 đồng

đưa cho anh Nguyễn Hữu Q ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đi chuộc chiếc xe về trả lại cho anh K.

Ngày 11/3/2019, Công an huyện Bình Xuyên yêu cầu định giá số 23 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên định giá xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1 - 021.75. Ngày 16/3/2020 Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên có kết luận định giá số 23/KL - ĐG, kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1 - 021.75 trị giá 6.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên, Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 07/3/2020, ông Đ, bà N đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1 - 021.75 cho anh K. Sau khi nhận lại chiếc xe anh K không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng T chiếm đoạt của anh K. Đến ngày 12/7/2020, Nguyễn Văn T đã trả lại cho Nguyễn Văn K, anh K không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng ông Đ và bà N bỏ ra chuộc xe cho T về trả lại anh K, ông Đ và bà N không yêu cầu giải quyết.

Tại Cáo trạng số 99/CT - VKSBX ngày 15 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo T từ 08 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên đề nghị về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Quá trình điều tra bị hại xác nhận lời khai của bị cáo là đúng, đồng thời bị hại cũng xác nhận đã được trả lại tài sản, không có yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tạ Việt A trong quá trình điều tra đã xác nhận lời khai của bị cáo là đúng. Anh đã trả lại xe cho T và cũng đã nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng mà T vay của anh. Nay anh không yêu cầu đề nghị gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị N trình bày: Đối với số tiền 2.000.000 đồng ông bà bỏ ra chuộc xe cho T về trả lại anh K, ông bà không yêu cầu đề nghị T phải hoàn trả lại số tiền trên và tự nguyện cho T.

Người bào chữa cho bị cáo T sau khi phân tích đánh giá những tình tiết có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo khai nhận như sau: Ngày 17/2/2020 và ngày 18/2/2020, Nguyễn Văn T ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc được anh Nguyễn Văn K ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc tin tưởng giao cho T thu được 7.000.000 đồng tiền hát Karaoke của khách và giao cho T sử dụng chiếc xe mô tô của anh K nhãn hiệu Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1- 021.75 trị giá 6.000.000 đồng sau đó T đã bội tín và dùng toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng và dùng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1-021.75 đem đi cầm cố lấy tiền để chơi game, tiêu sài cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại, sau đó đã bỏ trốn để chiếm đoạt. Tổng trị giá tài sản mà T chiếm đoạt của anh K là 13.000.000 đồng.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...b.....nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”...

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải. Quá trình điều tra bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo xác nhận không có công việc, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ngày 07/3/2020, ông Đ, bà N đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius màu trắng đen BKS: 88G1- 021.75 cho anh K. Đến ngày 12/7/2020, T đã trả lại cho anh K số tiền 7.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt của anh K. Sau khi nhận lại chiếc xe và số tiền trên anh K không có yêu cầu, đề nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng ông Đ và bà N bỏ ra chuộc xe cho T về trả lại anh K, ông bà Đ N không yêu cầu đề nghị T phải hoàn trả lại số tiền trên cho

ông bà, ông bà tự nguyện cho T số tiền đó và không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(Một) năm 04 (Bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT - CA huyện Bình Xuyên;
- CQCSTHAHS - CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Thị Thanh Mai

